

Bản án số: **25/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 14/6/2022

V/v: Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Chiến

2/ Bà Nguyễn Thị Cương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Tin-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXX- ST ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Á- Sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 30/12/2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (anh Nguyễn Văn M) trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Á cưới nhau có được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 14/10/2013. Sau khi cưới chị về nhà anh làm dâu ngay, ở chung với gia đình, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng giữa hai vợ chồng, không hợp nhau dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi cọ nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị Á đã chuyển

ra khỏi nhà anh từ ngày 20/12/2015, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị Á nữa. Vì vậy, anh làm đơn xin ly hôn chị Á, đề nghị Tòa án giải quyết để anh được ly hôn chị Á.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng chưa có con chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (chị Nguyễn Thị Á): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng chị Á vắng mặt. Ông Nguyễn Văn N là bố của chị Á cung cấp: Gia đình nhận được giấy triệu tập, thông báo của Tòa án gửi cho chị Á, gia đình có báo cho chị Á biết. Tuy nhiên, chị Á Hiện nay đang làm ăn tại miền Nam, thỉnh thoảng mới về thăm nhà; địa chỉ của chị Á ở miền Nam cụ thể ở đâu và làm ở cơ sở nào thì gia đình không biết vì chị Á không nói cho gia đình biết, chị Á giấu địa chỉ với gia đình, nhưng gia đình và chị Á vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Chị Á có nói với gia đình do bận công việc nên không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn theo đơn khởi kiện của anh M được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị Á. Gia đình xác nhận anh M và chị Á sống ly thân cách đây 5- 6 năm, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh M có đơn xin ly hôn, gia đình xác định anh M và chị Á không thể đoàn tụ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh M và chị Á ly hôn. Về con chung: Vợ chồng anh M, chị Á chưa có con chung. Về tài sản: anh M và chị Á chưa có tài sản chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị Á.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008681 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận anh M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2021 của anh Nguyễn Văn M đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Á (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vắng mặt. Qua xác minh gia đình cung cấp, hiện chị Á đi làm ăn tại miền Nam, chỉ thỉnh thoảng mới về. Địa chỉ cụ thể nơi ở và làm việc của chị Á ở địa điểm nào ở miền Nam thì gia đình và địa phương không biết, gia đình đã thông báo cho chị Á biết việc Toà án thụ lý đơn khởi kiện của anh M về việc xin ly hôn chị Á, chị Á đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt. Vì vậy, xác định chị Á đã cố tình giấu địa chỉ, lẩn tránh khai báo nhằm mục đích gây khó khăn cho anh M và Tòa án trong việc giải quyết ly hôn giữa anh M và chị Á. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Á kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh M thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng anh M, chị Á từ khi kết hôn có một thời gian chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Xuất phát từ việc hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, chị Á đã chuyển ra khỏi nhà anh M về nhà bố mẹ để ở từ năm 2015, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Anh M có đơn xin ly hôn, chị Á đã được Tòa án thông báo và triệu tập đến Tòa án để làm việc, chị Á biết rõ việc Tòa án đang thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa anh M và chị Á nhưng chị Á không đến làm việc theo giấy triệu tập và có ý kiến thông qua ông Nguyễn Văn N là bố của chị Á, chị Á xin được vắng mặt và đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Gia đình chị Á xác định vợ chồng anh M, chị Á không thể đoàn tụ được nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị Á đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh M được ly hôn chị Á là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của anh M cần được chấp nhận.

[2].3. *Về việc con chung*: Anh M và gia đình chị Á xác định vợ chồng anh M, chị Á chưa có con chung, vì vậy không cần xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].4. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị Á.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008681 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận anh M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- UBND xã T.
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn